

Số: /KH-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình hằng năm, giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

Thực hiện Công văn số 2499/LĐTĐ-BHXH-VPQGNN ngày 02/8/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình; Công văn số 1386/LĐTĐ-BHXH-VPQGNN ngày 29/4/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025; Công văn số 219/CV-VPQGNN ngày 10/8/2022 của Văn phòng quốc gia về giảm nghèo - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực giảm nghèo;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg); Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH); Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH); Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình hằng năm giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 quy định tại Điều 3, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định được số lượng, danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo làm cơ sở lập kế hoạch, phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn

2021-2025 và xây dựng, thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

b) Kịp thời bổ sung vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với hộ gia đình đủ điều kiện, đồng thời đưa ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với hộ gia đình không đủ điều kiện theo chuẩn nghèo quy định tại Điều 3, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

c) Xét, công nhận xã nông thôn mới về tiêu chí hộ nghèo.

d) Xác định được số lượng, danh sách hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (sau đây viết tắt là hộ có mức sống trung bình) trên địa bàn tỉnh tại thời điểm rà soát để lập kế hoạch hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế và thực hiện chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, góp phần thực hiện tốt Đề án thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Thực hiện đúng phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình theo đúng quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và hướng dẫn của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội.

b) Đảm bảo công khai, dân chủ, chính xác, trung thực, khách quan trong thực hiện quy trình rà soát; từng tiêu chí phải được rà soát, đánh giá chính xác, đầy đủ để xác định được hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình; có sự tham gia của người dân và giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

c) Thực hiện công nhận, phê duyệt, tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát đúng tiến độ, chính xác, đủ và đúng theo biểu mẫu quy định của chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

d) Quá trình tổ chức triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình hằng năm giai đoạn 2022-2025 phải đảm bảo yêu cầu công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

II. PHẠM VI, ĐƠN VỊ RÀ SOÁT VÀ THỜI GIAN RÀ SOÁT

1. Phạm vi rà soát: Thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

a) Khu vực thành thị: Áp dụng cho tất cả các phường, thị trấn của các huyện, thị xã, thành phố.

b) Khu vực nông thôn: Áp dụng cho tất cả các xã còn lại của các huyện, thị xã, thành phố.

2. Đơn vị rà soát: Từng thôn, khối phố của từng xã, phường, thị trấn

3. Thời gian rà soát

3.1 Thời gian rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm như sau:

a) Rà soát định kỳ mỗi năm 01 lần: Thực hiện từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 hằng năm theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, cụ thể:

(1) Giai đoạn chuẩn bị rà soát: Từ ngày 15/8 - 01/9 hằng năm: Cấp tỉnh và huyện xây dựng, ban hành văn bản chỉ đạo, thống nhất biểu mẫu, tài liệu rà soát và tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ rà soát.

(2) Giai đoạn tổ chức rà soát: Thực hiện từ ngày 01/9 - 30/11 hằng năm.

- Tổ chức rà soát: từ ngày 01/9 - 15/11 hằng năm;

- Báo cáo sơ bộ kết quả rà soát theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, cụ thể:

+ Cấp xã và huyện tổng hợp, báo cáo cấp tỉnh trước ngày 10/11 hằng năm;

+ Cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 15/11 hằng năm.

(3) Giai đoạn kết thúc rà soát: Từ ngày 01/12 - 14/12 hằng năm: Tổng hợp, thẩm tra, phê duyệt và báo cáo chính thức kết quả rà soát trên địa bàn toàn tỉnh.

+ Cấp xã và huyện phê duyệt, báo cáo cấp tỉnh trước ngày 10/12 hằng năm;

+ Cấp tỉnh phê duyệt, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20/12 hằng năm.

b) Rà soát thường xuyên hằng năm: Mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng tại thời điểm hộ gia đình có giấy đề nghị gửi Ủy ban nhân dân cấp xã cho các trường hợp cụ thể như sau:

+ Trường hợp hộ gia đình phát sinh khó khăn đột xuất trong năm cần được bổ sung vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn để có thể tiếp cận được với các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của Nhà nước.

+ Trường hợp hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo địa phương đang quản lý có giấy đề nghị rà soát công nhận hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo.

3.2 Thời gian rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình: Mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng tại thời điểm hộ gia đình có giấy đề nghị gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

Lưu ý:

- Chủ tịch UBND cấp xã chỉ được ban hành Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn và chỉ đạo tổ chức thực hiện cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn sau khi tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND cấp huyện theo đúng quy định tại khoản 6, Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố phải nêu rõ số lượng từng loại đối tượng (hộ nghèo, hộ cận

nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo), kèm theo danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo đúng biểu mẫu quy định của trung ương và tỉnh (do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thiết kế sẵn trên Phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trực tuyến tỉnh).

- Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện có thể thực hiện cho từng xã, phường, thị trấn nhưng kết thúc rà soát phải có Quyết định phê duyệt chung cho toàn huyện, thị xã, thành phố.

III. RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO HÀNG NĂM THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2022-2025

1. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 được quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 3, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng (140 điểm) trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng (175 điểm) trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng (140 điểm) trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng (175 điểm) trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

* Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

* Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

2. Đối tượng rà soát

2.1. Đối tượng rà soát định kỳ

a) Toàn bộ hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát (ngày 01/9 hàng năm)

b) Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

2.2. Đối tượng rà soát thường xuyên

a) Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

b) Hộ gia đình có đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

3. Phương pháp, quy trình rà soát

3.1 Phương pháp rà soát

- Sử dụng phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 quy định tại khoản 1, Điều 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Rà soát viên sử dụng các thiết bị di động có cài đặt sẵn phần mềm “Connection” hoặc có thể sử dụng trực tuyến tại địa chỉ <https://quangnam.dtt.vn> để thực hiện đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình theo đúng Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

3.2 Quy trình rà soát

a) Đối với rà soát định kỳ: Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 4, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

b) Đối với rà soát thường xuyên: Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 5, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

4. Tổng hợp, phê duyệt, báo cáo kết quả rà soát

4.1 Hình thức và biểu mẫu tổng hợp báo cáo

- Cấp xã tổng hợp, báo cáo cấp huyện; cấp huyện tổng hợp báo cáo cấp tỉnh; cấp tỉnh tổng hợp báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo bộ biểu mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

- Ngoài ra, cấp xã tổng hợp, báo cáo cấp huyện; cấp huyện tổng hợp báo cáo cấp tỉnh theo một số biểu mẫu do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành để phục vụ phân tích, đánh giá thực trạng nghèo và xây dựng kế hoạch, giải pháp giảm nghèo bền vững của tỉnh Quảng Nam.

4.2. Chế độ báo cáo

a) Báo cáo kết quả rà soát định kỳ, cụ thể như sau:

- Báo cáo kết quả sơ bộ: Thực hiện theo Mẫu số 7.1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, cụ thể thời điểm báo cáo kết quả sơ bộ như sau:

+ Cấp xã báo cáo cấp huyện: Trước ngày 30/10 hằng năm;

- + Cấp huyện báo cáo cấp tỉnh: Trước ngày 10/11 hằng năm;
- + Cấp tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Trước ngày 15/11 hằng năm.

- Báo cáo kết quả chính thức: Thực hiện theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH và một số biểu mẫu do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, cụ thể thời điểm báo cáo chính thức như sau:

- + Cấp xã ban hành quyết định công nhận và báo cáo cấp huyện: Trước ngày 30/11 hằng năm;

- + Cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt kết quả của toàn huyện, báo cáo cấp tỉnh: Trước ngày 10/12 hằng năm;

- + Cấp tỉnh phê duyệt, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Trước ngày 20/12 hằng năm.

b) Báo cáo kết quả rà soát thường xuyên: Ngày 05 hằng tháng (từ tháng 02 đến tháng 9 hằng năm), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (nếu có), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội).

IV. RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH HỘ CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH

1. Chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 3, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

2. Đối tượng rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình

Hộ gia đình quy định tại Khoản 2, Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg (*không thực hiện rà soát đối với những hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp và diêm nghiệp thuộc đối tượng được ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm y tế như hộ gia đình sinh sống tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc, hộ gia đình có 100% thành viên trong hộ là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo,...*).

3. Nội dung, phương pháp và quy trình rà soát

a) Nội dung rà soát, xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

Việc xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg được thực hiện theo Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

b) Phương pháp rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình quy định tại khoản 2, Điều 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

c) Quy trình rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn, bố trí kinh phí để các ngành và địa phương tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin (phần mềm Connection của Trung ương và phần mềm quản lý trực tuyến của tỉnh) trong rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, đảm bảo đạt yêu cầu, tiến độ, chất lượng rà soát.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí từ ngân sách địa phương (ngoài nguồn sự nghiệp đảm bảo xã hội đã phân bổ hằng năm) để thực hiện rà soát; bổ sung kinh phí ngân sách địa phương để hỗ trợ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND cấp xã tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình hằng năm trên địa bàn theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, nhất là kinh phí thu thập thông tin của rà soát viên, kinh phí hỗ trợ cán bộ cập nhật thông tin của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo vào phần mềm quản lý hộ nghèo trực tuyến của Trung ương và của tỉnh để máy tính xử lý và phân tích kết quả rà soát.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Tham mưu Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và

Xã hội; tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị tăng cường thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 quy định tại Điều 3, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP; tổ chức hội nghị triển khai và tập huấn nghiệp vụ rà soát; kiểm tra, đôn đốc, giám sát, phúc tra kết quả rà soát tại các địa phương.

b) Truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về chuẩn nghèo đa chiều và việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn; tham mưu Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh quy định đối với những trường hợp trong nhận dạng nhanh hộ gia đình có khả năng không nghèo, không cận nghèo để loại khỏi danh sách rà soát ban đầu, đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, mức sống dân cư và từng nhóm hộ gia đình trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH (cột số 0, Phụ lục II: Phiếu A - Nhận dạng nhanh hộ gia đình).

c) Xây dựng dự toán kinh phí phục vụ rà soát, gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ cho các ngành và địa phương để triển khai thực hiện.

d) Chỉ đạo Văn phòng Chương trình giảm nghèo tiếp tục ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo bằng phần mềm “Connection” của Trung ương và thực hiện nâng cấp phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trực tuyến của tỉnh để đáp ứng các yêu cầu về quản lý, thực hiện công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và phục vụ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổng hợp, thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn tỉnh, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí phục vụ rà soát hằng năm giai đoạn 2022-2025, trong đó ưu tiên đối với các địa phương (huyện, xã) có khó khăn về nguồn thu ngân sách. Hướng dẫn nội dung, mức chi và thủ tục thanh quyết toán các nội dung nhiệm vụ chi phục vụ công tác rà soát theo quy định.

3. Cục Thống kê tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Chi cục Thống kê huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện tốt cuộc tổng rà soát hằng năm tại địa phương, nhất là công tác xác định số hộ dân trên địa bàn.

4. Các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh

Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các địa phương và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về tiến độ, chất lượng và kết quả rà soát theo địa bàn được phân công phụ trách.

5. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn tỉnh, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định; phối hợp Sở Tài chính, trình UBND tỉnh quyết định cấp kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo tổ chức triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình hằng năm trên địa bàn huyện theo đúng nội dung kế hoạch này và nhiệm vụ quy định tại khoản 2, Điều 10 Quyết định số 24/QĐ-TTg, cụ thể:

a) Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, cận nghèo cấp huyện để giúp UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức triển khai rà soát trên địa bàn; phân công nhiệm vụ, địa bàn theo dõi phụ trách cụ thể cho thành viên Ban Chỉ đạo để kiểm tra, đôn đốc, chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả rà soát.

b) Ban hành và chỉ đạo triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình hằng năm trên địa bàn; truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và người dân về chuẩn nghèo đa chiều và việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho rà soát viên, thành viên Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã và cán bộ thôn, khối phố theo hình thức phù hợp.

c) Chỉ đạo Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn theo đúng quy định; thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3, Điều 10 Quyết định số 24/QĐ-TTg; thực hiện nghiêm túc việc lưu trữ hồ sơ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo quy định.

d) Có ý kiến về báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo đúng tiến độ, biểu mẫu quy định.

đ) Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

e) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho cơ sở, nếu kết quả chưa phù hợp hoặc có đơn thư khiếu nại, chỉ đạo cấp xã tổ chức rà soát lại theo đúng quy trình hướng dẫn.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn theo đúng quy định và nội dung kế hoạch này; truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và người dân về chuẩn nghèo đa chiều, về việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn.

b) Xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện rà soát trên địa bàn; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3, Điều 10 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

c) Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo đúng quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH; quyết định công nhận hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và hộ có mức sống trung bình hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo đúng, đầy đủ biểu mẫu quy định.

8. Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam, Cổng thông tin điện tử tỉnh tổ chức tuyên truyền sâu rộng về nội dung, mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo để các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân được biết, phối hợp thực hiện, góp phần phát huy tinh thần dân chủ, công khai và công bằng.

9. Đề nghị UBNDTTQVN tỉnh và các Hội, đoàn thể phối hợp chặt chẽ với chính quyền trong tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tuyên truyền, vận động nhân dân, hội viên tham gia rà soát; phân loại hội viên nghèo, cận nghèo, thoát nghèo; thực hiện giám sát rà soát nhằm không để xảy ra tiêu cực, bệnh thành tích trong rà soát; tiếp tục vận động các đơn vị, cá nhân, doanh nghiệp quan tâm hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo cải thiện thu nhập và các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình hàng năm giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 quy định tại Điều 3, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ, đề nghị các Sở, Ban, ngành liên quan và các địa phương căn cứ triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động-TBXH;
- Văn phòng Quốc gia giảm nghèo;
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- TV BCĐ rà soát HN, HCN tỉnh theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 01/9/2022;
- Các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH Quảng Nam, Công TTĐT tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Tuấn